TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/3/2023
Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung;

2. Bà Phạm Tú Nhi.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Duy Long, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 629/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2023/QĐST – HNGĐ ngày 10/3/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; thường trú: Số nhà 187, ấp T, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Số 109/1A, tổ 1A, khu phố T, phường H, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn*: Ông Trương Cảnh E, sinh năm 1981; thường trú: Số nhà 187, ấp T, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Số 109/1A, tổ 1A, khu phố T, phường H, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Bà Nguyễn Thị T có yêu cầu giải quyết vắng mặt, Ông Trương Cảnh E vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2022, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị T trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và Ông Trương Cảnh E sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện về sống chung với nhau, có tổ chức đám cưới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau theo giấy đăng ký kết hôn số 17/2013, quyển số 01/2012 ngày 18/01/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Ông Trương Cảnh E thường xuyên ăn nhậu, không lo làm ăn, không phụ giúp bà T trong vấn đề kinh tế gia đình, mọi chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình do một mình bà T gánh vác. Mỗi lần nhậu say, ông E thường xuyên đánh đập, tuy không gây thương tích nghiêm trọng nhưng ảnh hưởng nhiều đến tâm lý bà T. Vì vậy, cuộc sống vợ chồng trở nên ngột ngạt, căng thẳng, gây mệt mỏi cho nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay. Sau khi sống ly thân thì mạnh ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Quá trình chung sống, bà T đã khuyên nhủ ông E thay đổi nhưng ông E không thay đổi được, khiến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không chia sẽ, đồng cảm với nhau các vấn đề trong cuộc sống. Nay Bà Nguyễn Thị T xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với Ông Trương Cảnh E.

- Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 người con chung tên Trương Văn T, sinh ngày 29/7/2010 và Trương Văn Đ, sinh ngày 30/6/2020. Tại đơn khởi kiện Bà Nguyễn Thị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông E thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/con (tương đương 3.000.000 đồng/tháng/02 con) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án, bà T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về vấn đề cấp dưỡng: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu Ông Trương Cảnh E thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn Ông Trương Cảnh E:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và yêu cầu Ông Trương Cảnh E có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của Bà Nguyễn Thị T nhưng Ông Trương Cảnh E không có ý kiến gì. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Ông Trương Cảnh E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 03/02/2023 nhưng Ông Trương Cảnh E vắng mặt không có lý do; đồng thời cũng không có ý kiến và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của bà T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có

căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của Bà Nguyễn Thị T thì đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn là Ông Trương Cảnh E có địa chỉ tại Số 109/1A, tổ 1A, khu phố T, phường H, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An thụ lý giải quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và Ông Trương Cảnh E là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau theo theo giấy đăng ký kết hôn số 17/2013, quyển số 01/2012 ngày 18/01/2013 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Bà Nguyễn Thị T xác định sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, Ông Trương Cảnh E thường xuyên ăn nhậu, không lo làm ăn, không phụ giúp bà T trong vấn đề kinh tế gia đình. Vợ chồng thường xuyên cải nhau nên cuộc sống trở nên ngột ngạt, căng thẳng, gây mệt mỏi cho nhau. Tình cảm lạnh nhạt, không chia sẽ, đồng cảm với nhau các vấn đề trong cuộc sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên Bà Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn với Ông Trương Cảnh E. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và triệu tập Ông Trương Cảnh E đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng Ông Trương Cảnh E không có mặt. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của Bà Nguyễn Thị T và Ông Trương Cảnh E đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt.

Việc Ông Trương Cảnh E bỏ mặc không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân với Bà Nguyễn Thị T cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng Bà Nguyễn Thị T và Ông Trương Cảnh E đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của Bà Nguyễn Thị T.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng 02 người con chung tên Trương Văn T, sinh ngày 29/7/2010 và Trương Văn Đ, sinh ngày 30/6/2020. Bà Nguyễn Thị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Quá trình tố tụng, Ông Trương Cảnh E vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý chí mong muốn được nuôi con. Trong thời gian trước đây và

hiện nay con chung vẫn do Bà Nguyễn Thị T nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt. Nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có cơ sở để chấp nhận nguyện vọng của Bà Nguyễn Thị T là được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung Trương Văn T, sinh ngày 29/7/2010 và Trương Văn Đ, sinh ngày 30/6/2020.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Ông Trương Cảnh E thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với Ông Trương Cảnh E (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 17/2013, quyển số 01/2012 ngày 18/01/2013 của Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau cấp).

Về con chung: Buộc Ông Trương Cảnh E giao 02 người con chung tên Trương Văn T, sinh ngày 29/7/2010 và Trương Văn Đ, sinh ngày 30/6/2020 cho Bà Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Ông Trương Cảnh E thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, Ông Trương Cảnh E và Bà Nguyễn Thị T có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Trường hợp Ông Trương Cảnh E lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc Bà Nguyễn Thị T nuôi con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông E theo quy định của pháp luật.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005940 ngày 22/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ.

3. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND xã Nghĩa Huân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hồng